

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN EA KAR  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 42/2021/DS-ST

Ngày 30/8/2021

“*V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Mạnh Tuân.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Thế Hằng và ông Phan Xuân Thắng.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Loan – Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tham gia phiên tòa:* Bà Giản Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 03/2021/TLST- DS ngày 14 tháng 01 năm 2021, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2021/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2021/QĐST-DS, ngày 23 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn đồng thời là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Đình C theo giấy ủy quyền ngày 26 tháng 4 năm 2021 là:* Bà Lê Thị L, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã E, huyện Ea, tỉnh Đắk Lắk. (*Có mặt*)

- *Bị đơn:* Bà Phan Thị Y, sinh năm 1975.

Ông Trịnh Ngọc T, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Buôn ER, xã C, huyện Ea, tỉnh Đắk Lắk. (*Vắng mặt*)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Phan Thị T, sinh năm 1984

- Địa chỉ: Thôn 1..., xã E, huyện Ea, tỉnh Đắk Lắk. (*Vắng mặt*).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo nội dung Đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 12 năm 2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị L trình bày:*

Do mối quan hệ quen biết, vào ngày 28/02/2016 (ÂL), tôi có cho vợ chồng bà Phan Thị Y ông Trịnh Ngọc T vay số tiền 350.000.000 đồng. Đến hạn do không trả nợ cho tôi, nên các bên thống nhất, bà Y và ông T chuyển nhượng đất cho tôi để trừ nợ. Hai bên thỏa thuận giá chuyển nhượng là 1.000.000.000 đồng (*Một tỷ đồng*). Tuy nhiên, bà Y và ông T yêu cầu tôi cho mượn thêm 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) thì mới chấp nhận chuyển nhượng đất cho tôi. Cụ thể: Tôi phải đưa cho bà Y và ông T là 750.000.000 đồng (trong đó trả 650.000.000 đồng mua đất và 100.000.000 đồng cho mượn thêm) và hai bên thống nhất hủy giấy vay cũ và viết Giấy vay tiền mới

vào ngày 31/7/2016. Nội dung giấy vay thể hiện vay số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 1,2%/tháng, mỗi bên chịu một nửa (0,6%/tháng) và bà Y ông T trả dần trong vòng bốn năm.

Khi viết giấy vay ngày 31/7/2016 thì có mặt tất cả các bên và bà Phan Thị T là người viết giấy và ký làm chứng. Bà Y đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà T cầm cho tôi để làm tin, (bà T không liên quan đến việc vay nợ của bà Y, ông T). Từ ngày vay tiền đến nay đã quá hạn nhưng ông T bà Y chưa trả cho tôi khoản tiền gốc, lãi nào. Đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Phan Thị Y, ông Trịnh Ngọc T trả cho tôi số tiền vay gốc là 100.000.000 đồng.

Về tiền lãi: Do hiện nay bà Y, ông T làm ăn sa sút, hoàn cảnh khó khăn nên tôi không yêu cầu bà Y, ông T phải trả lãi cho tôi.

Đối với bà Phan Thị T chỉ là người chứng kiến việc tôi cho bà Y, ông T vay số tiền 100.000.000 đồng. Tôi chấp nhận trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T. Tôi không có yêu cầu gì đối với bà T.

*Bị đơn bà Phan Thị Y trình bày:* Tôi có quen biết với bà L và ông C qua người quen giới thiệu. Tôi cũng vay mượn nhiều lần và cũng trả nợ sòng phẳng. Vào lần cuối cùng tôi vay bà L, ông C 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng) với lãi suất 7% hoặc 8%/tháng, tôi cũng không nhớ rõ. Và bà L, ông C bảo tôi phải có gì đó thế chấp, tôi đã mượn bìa đỏ của bà ngoại tôi gửi ở nhà tôi đưa cho bà L. Sau đó, tôi gặp sự cố trong công việc kinh doanh và tôi đã gán nợ mảnh đất mặt đường 15m x 50m với số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) cho ông C, bà L và phải cho tôi nợ lại 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) để tôi chia cho các con nợ để họ cho tôi thời gian làm trả nợ. Sau đó, bà L, ông C bảo em tôi là Phan Thị T làm một giấy vay tiền nội dung do bà L đọc cho em tôi viết. Tôi xác nhận vợ chồng tôi còn nợ lại bà L số tiền vay gốc là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Vì vợ chồng tôi làm ăn khó khăn nên chưa thanh toán được cho bà L, nên xin bà L cho trả dần số tiền vay gốc 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và xin bà L miễn lãi cho vợ chồng tôi.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định để bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng nhưng bị đơn ông Trịnh Ngọc T, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị T vắng mặt không lý do. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar đưa vụ án ra xét xử.

*Tại phiên tòa,*

Nguyên đơn bà Lê Thị L yêu cầu bà Phan Thị Y, ông Trịnh Ngọc T phải trả số tiền nợ là 100.000.000 đồng và rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc không yêu cầu bà Y, ông T phải trả lãi.

Về tài sản thế chấp là 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà L đồng ý trả lại cho bà Phan Thị Y.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar phát biểu ý kiến:

*Về tố tụng:* Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, đã thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình trong quá trình tham gia tố tụng. Bị đơn bà Phan Thị Y, ông Trịnh Ngọc T, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị T không tham gia làm việc theo

giấy triệu tập và không có mặt tại phiên tòa là không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Về nội dung:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Phan Thị Y, ông Trịnh Ngọc T trả số tiền vay gốc cho Nguyên đơn bà Lê Thị L, ông Nguyễn Đình C.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Đây là vụ án đây là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, bị đơn bà Phan Thị Y, ông Trịnh Ngọc T, trú tại huyện Ea, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Ea Kar giải quyết là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa đồng bị đơn bà Phan Thị Y, ông Trịnh Ngọc T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị T, vắng mặt lần thứ 2 không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt những người này.

[2] *Về Nội dung:*

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về khoản tiền nợ gốc.

Trong quá trình thu thập chứng cứ các bên đương sự thừa nhận: Ngày 31/7/2016, bà Phan Thị Y, ông Trịnh Ngọc T, có làm giấy vay của bà Lê Thị L, ông Nguyễn Đình C số tiền là 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*), trả dần trong 04 năm. Nhưng do điều kiện làm ăn gặp nhiều khó khăn, mất khả năng thanh toán, nên từ ngày vay đến nay bà Y, ông T chưa trả được cho bà L, ông C số tiền vay gốc nào, nay xin trả dần số tiền này, nhưng không được bà L, ông C chấp thuận. Căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là sự thực, không cần phải chứng minh.

Xét thấy, từ ngày vay đến nay, bà Phan Thị Y, ông Trịnh Ngọc T chưa thanh toán cho bà Lê Thị L, ông Nguyễn Đình C khoản tiền gốc, lãi nào là thực tế. Như vậy, đã vi phạm cam kết, vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự. Cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, buộc bà Y, ông T phải trả cho bà Lê Thị L, ông Nguyễn Đình C số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) là có căn cứ.

[2.2] Xét yêu cầu tiền lãi: Tại đơn khởi kiện ngày 28/12/2020, bà Lê Thị L, ông Nguyễn Đình C yêu cầu bà Phan Thị Y, ông Trịnh Ngọc T trả số tiền lãi là 62.000.000 đồng (*Sáu mươi hai triệu đồng*). Tuy nhiên, tại Phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 12/7/2021 và tại phiên tòa, bà Lê Thị L đã rút một phần yêu cầu về tiền lãi. Vì vậy, HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự: Đình chỉ đối với yêu cầu tính lãi của Nguyên đơn.

[3] Khi vay tiền bà Y cầm cho bà Lượng 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ532205, do UBND huyện Ea Kar cấp ngày 09/02/2006 mang tên bà Phan Thị T.

Tại phiên tòa, bà Lê Thị L thừa nhận việc bà Yên đưa bà cầm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này chỉ để làm tin, chứ không thể chấp để đảm bảo việc thực hiện trả nợ thay, đồng thời bà T không vay tiền của bà L, nên cần buộc bà Lê Thị L, ông Nguyễn Đình C trả lại 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên cho bà Phan Thị T là chủ sở hữu là phù hợp.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar là có căn cứ cần chấp nhận toàn bộ.

[5] Bị đơn bà Phan Thị Y, ông Trịnh Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Do yêu cầu của Nguyên đơn được chấp nhận nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273; khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn bà Lê Thị L, ông Nguyễn Đình C.

1. Buộc bà Phan Thị Y, ông Trịnh Ngọc T phải trả cho bà Lê Thị L, ông Nguyễn Đình C tiền vay gốc là 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*)

Đình chỉ đối với yêu cầu tính lãi của Nguyên đơn bà Lê Thị L, ông Nguyễn Đình C.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bà Lê Thị L, ông Nguyễn Đình C trả lại 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD532205 tại thửa đất số 179, tờ bản đồ số 08; Địa chỉ: Thôn 14, xã Ea Ô, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk do UBND huyện Ea Kar cấp ngày 09/02/2006 mang tên bà Phan Thị T cho chủ sở hữu là bà Phan Thị T.

2. Về án phí: Bà Phan Thị Y, ông Trịnh Ngọc T phải nộp 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch (*theo mức: 100.000.000đ x 5%*).

Hoàn trả cho bà Lê Thị L, ông Nguyễn Đình C 4.050.000đ (*Bốn triệu không trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ea Kar theo biên lai thu số AA/2019/0016780, ngày 12/01/2021.

3. **Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền

kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ nơi đương sự cư trú.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện EaKar;
- Chi cục THADS huyện Ea Kar;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Mạnh Tuân**